TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1269/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

2. Ông Nguyễn Minh Tuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út – Thư ký của Tòa án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 922/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Phương T – sinh năm 1987;

Địa chỉ: 85/9 Đường N, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lý Anh T1 – sinh năm 1972;

Địa chỉ: 87/1/11 Đường B, Phường Y, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lê Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lê Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị Phương T và và ông Lý Anh T1 tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân H, Quận M, Tp. HCM và được cấp giấy chứng nhận số 125, quyển số 01/2006 ngày 22/9/2006.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 41/11 Sao Mai, Phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh. Cả hai chung sống hạnh phúc được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 cờ bạc dẫn đến nợ nần, làm cho cuộc sống gia đình khó khăn. Hiện tại cả hai đã sống ly thân từ năm 2015. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn đối với ông Lý Anh T1.

Về con chung: Có 01 con chung là Lý Phương T3, sinh ngày 07/10/2008. Hiện tại bé đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn ông Lý Anh T1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn. Ông xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vào năm 2015 ông làm ăn thua lỗ phải bán xe máy để trả nợ mà không nói vợ biết nên giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ ông bỏ về nhà ngoại sống và cả hai ly thân từ đấy. Ông không đồng ý ly hôn vì muốn hàn gắn tình cảm với vợ.

Về con chung: Ông T1 xác định có 01 con chung là Lý Phương Trinh, sinh ngày 07/10/2008. Ông T1 trình bày do ông vẫn còn yêu thương vợ nên trong quá trình vợ chồng sống ly thân ông vẫn để vợ và con sống bên ngoại, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng ông vẫn cấp dưỡng nuôi con. Ông nhận thấy bé phát triển bình thường, việc học hành của bé vẫn tốt. Tuy nhiên nếu bà T vẫn kiên quyết ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn đồng ý ly hôn. Về con chung: Bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bị đơn xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số số 125, quyển số 01/2006 ngày 22/9/2006 của Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 5, Tp. HCM thì quan hệ hôn nhân giữa Bà Lê Thị Phương T và ông Lý Anh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Do bị đơn hiện đang cư trú tại Phường 7, quận Tân Bình căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Tân Bình.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn vì cho rằng quan hệ hôn nhân giữa hai ông bà đã có nhiều mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân do ông T1 cờ bạc dẫn đến nợ nần, làm cho cuộc sống gia đình khó khăn. Hiện tại cả hai đã sống ly thân từ năm 2015. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; cả hai đã có thời gian sống ly thân trong thời gina dài. Bản thân bị đơn không muốn ly hôn nhưng lại không có phương án để gia đình về đoàn tụ. hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng nguyên đơn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình và xác định không còn tình cảm với chồng. Xét, tình trạng hôn nhân của hai đương sự thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Cả hai xác định có 01 con chung tên Lý Phương Trinh sinh ngày 07/10/2008. Ly hôn cả nguyên đơn và bị đơn đều muốn trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên kia không phai3 cấp dưỡng. xét hiện nay trẻ Lý Phương Trinh do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Tại phiên tòa ông T1 xác nhận hiên nay trẻ phát triển bình thường, việc chăm sóc con của bà T thực hiện tốt. Và theo nguyện vọng của trẻ là được sống với mẹ., để ổn định cuộc sống và tinh thần cho trẻ, tạo điều kiện cho trẻ không bị xáo trộn trong việc học hành và ổn định về mặt tâm sinh lý cho trẻ. Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Phương T;

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Phương T và ông Lý Anh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung : Giao con chung tên Lý Phương T2 sinh ngày 07/10/2008 cho bà Lê Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Lý Anh T1 do bà T không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Phương T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006937 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Phương T, ông Lý Anh T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM**;**
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Trần Ái Vy